

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **87/2019/DS-ST**

Ngày :10/10/2019

V/v *Tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản;*

Đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở”.

CỘNG HÒA XÃ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Kiệt

2. Bà Phan Thị Đẹp

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Ngọc Y Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản; Đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2019/QĐXXST-DS ngày 19/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2019/QĐST-DS ngày 18/9/2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thu Y**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 40/8 ấp h, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Tuấn Vĩnh T**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 508, đường P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2/Bị đơn: Chị **Lê Thị G**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số 70, d0ường L, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Anh **Nguyễn Quốc M**, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp h, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.2/ Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1952 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 70, đường L, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.3/ Bà **Hồng Thị T**, sinh năm 1953 (có mặt).

3.4/ Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1957 (đã chết ngày 09/12/2017).

3.5/ Anh **Lê Hồng P**, sinh năm 1988 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 139/2, đường L, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4/- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lèo:

4.1/ Bà **Hồng Thị T**, sinh năm 1953 (có mặt).

4.2/ Ông **Lê Hoàng S**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

4.3/ Anh **Lê Hồng P**, sinh năm 1988 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 139/2, đường L, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4.4/Chị **Lê Thị Hồng L**, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 40/1, đường L, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4.5/Chị **Lê Thị Hồng T1**, sinh năm 1983 (con ông L đã chết ngày 08/3/2019).

Địa chỉ: 46/2, đường L, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

5/ *Người làm chứng:*

5.1/ Anh **Đoàn Duy L1**, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 60, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

5.2/ **Nguyễn Hùng D**, sinh năm 1967 (xin vắng mặt).

Địa chỉ:tạm trú: Ấp H, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (khách sạn Thành Đạt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/01/2019 của nguyên đơn chị Lê Thị Thu Y và trong quá trình tố tụng đại diện ủy quyền của nguyên đơn là anh Võ Tuấn Vĩnh T trình bày:

Chị Y có cho chị G mượn tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 11/7/2018 chị Y cho chị G mượn 60.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn cho mượn khi nào cần lấy lại tiền thì chị Y sẽ báo trước 15 ngày.

- Ngày 12/10/2018 chị Y cho chị G vay 68.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, trả lãi hàng tháng, thời hạn cho vay là 05 tháng, các lần cho vay tiền chị G đều có viết giấy mượn nợ cho chị Y. Để làm tin chị G giao cho chị Y giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (H)00091 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 13/9/2005 cho ông Lê Văn L và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số hồ sơ gốc 502 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 17/4/2006 cho ông Lê Văn L và bà Hồng Thị T đứng tên, hiện nay ông L đã chết. Sau khi vay tiền cho đến nay chị G không trả vốn và lãi cho chị Y. Nay chị Y yêu cầu chị Lê Thị G phải trả cho chị Y 128.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/10/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm, (tạm tính tiền lãi đến ngày 12/6/2019 là 128.000.000 đồng x 09,%/tháng x 8 tháng = 9.216.00 đồng). Tổng cộng là 137.216.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Khi chị G trả xong nợ trên, chị Y sẽ trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở nêu trên cho chị G.

Tại văn bản ý kiến của anh Võ Tuấn Vĩnh T ngày 01/8/2019: Anh T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị G trả cho chị Y 68.000.000 đồng tiền vay theo giấy mượn nợ ngày 12/10/2018 và tiền lãi tạm tính đến nay là 5.500.000 đồng. Khi chị G trả hết tiền vốn vay và tiền lãi thì chị Y trả lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đứng tên Lê Văn L.

- Bị đơn chị Lê Thị G trình bày:

Ngày 11/7/2018 chị có vay của chị Lê Thị Thu Y 60.000.000 đồng (có viết giấy nhận nợ), lãi suất 30%/tháng, mỗi tháng trả 18.000.000 đồng, mục đích vay tiền để làm vốn làm ăn, việc vay tiền này chồng chị anh Phan Thanh B không biết, chị sử dụng riêng, không sử dụng mua sắm, sinh hoạt trong gia đình. Khi vay chị có đưa cho bà Y giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (H)00091 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 13/9/2005 cho ông Lê Văn L đứng tên và 01 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số hồ sơ gốc 502 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 17/4/2006 cho ông Lê Văn L và bà Hồng Thị T đứng tên, việc đưa 02 giấy nhà, đất trên không có làm hợp đồng thế chấp gì. Hai giấy nhà, đất này là do ông

Lê Hồng P là con của ông L, bà T đưa cho tôi mượn (do anh P là bạn của tôi), chứ ông L, bà T không có bảo lãnh, không làm giấy tờ thế chấp khoản nợ vay trên.

Tôi vay tiền của chị Y một thời gian dài thì chị không còn khả năng trả do làm ăn thua lỗ., tôi không tiền lãi nên chị Y cộng dồn nhiều lần lên đến 160.000.000 đồng, do khó khăn không có tiền trả nợ cho chị Y, nên chị báo cho mẹ bà là Nguyễn Thị N biết, sau đó bà N có điện thoại cho chị Y năn nỉ và thương lượng, chị Y đồng ý giảm 60.000.000 đồng, chỉ nhận 100.000.000 đồng thôi, cùng lúc đó chị mang tiền 100.000.000 đồng trả cho vợ chồng chị Y, có ghi biên nhận ngày 11/10/2018 là xóa hết nợ cho chị (có biên nhận tại khách sạn Thành Đ áp h, xã T, thành phố M). Sau khi nhận tiền xong chị Y không trả lại cho bà 02 giấy chủ quyền nhà, đất nêu trên và vợ chồng chị Y kêu chị viết giấy nợ 68.000.000 đồng, trong 68.000.000 đồng này có 8.000.000 đồng tiền lãi của 2 tháng. Thực tế 68.000.000 đồng này chị không nhận tiền mặt, giấy nợ này bà viết cùng ngày 11/10/2018 khi chị vừa trả 100.000.000 đồng xong, khi đó có ông Nguyễn Hùng D và Đoàn Duy L, hai người này làm chung tại khách sạn Thành Đ chứng kiến chị viết, nhưng vợ chồng chị Y buộc chị viết ngày 12/10/2018. Đối với số tiền 68.000.000 đồng chị đã trả được cho bà Y 9.000.000 đồng, còn Giấy nợ ngày 11/7/2018 là trong số tiền 160.000.000 đồng khi trả tiền thì chị không có lấy giấy nợ lại. Nay, chị không đồng ý trả 128.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của chị Y, vì chị có trả cho chị Y 100.000.000 đồng, chị Y có viết giấy ngày 11/10/2018 là hết nợ, chị yêu cầu chị Y trả lại 02 giấy chủ quyền do ông Lê Văn L, bà Hồng Thị T đứng tên (bản chính), để chị trả cho anh P

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N trình bày: Vào ngày 11/10/2018 Lê Thị G là con gái của bà có báo lại với bà là còn thiếu nợ Lê Thị Thu Y vốn và lãi lên đến 160.000.000 đồng, do lãi cao G không có khả năng trả, bà có gọi điện thoại cho Y để thương lượng thì Y đồng ý để cho Y trả 100.000.000 đồng là xóa hết nợ, trong ngày này bà đưa cho G 100.000.000 đồng để G trả cho Y, G trả cho Y tại khách sạn Thành Đ, Y có viết biên nhận: “Hôm nay là ngày 11/10/2018, mẹ G trả 100.000.000 đồng cho Y là xong hết”, Y ký tên. Việc Y kiện G đòi 128.000.000 đồng bà không đồng ý, vì Y và bà có thỏa thuận chỉ lấy 100.000.000 đồng thôi là xóa nợ 160.000.000 đồng của G nợ Y theo giấy nợ ngày 11/7/2018 là 60.000.000 đồng và giấy nợ ngày 12/10/2018 là 68.000.000 đồng. Nay Y khởi kiện yêu cầu G trả số tiền 128.000.000 đồng, bà không đồng ý, chỉ đồng ý đưa thêm cho Y số tiền 11.000.000 đồng.

Bà yêu cầu chị Y trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (H)00091 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 13/9/2005 cho ông Lê Văn L đứng tên và 01 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở sổ hồ sơ gốc 502 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 17/4/2006 cho ông Lê Văn L và bà Hồng Thị T đứng tên.

2. Bà Hồng Thị T trình bày:

Bà là vợ của ông Lê Văn L (chết tháng 12/2017), vợ chồng bà có 04 người con là Lê Hoàng S, Lê Hồng P, Lê Thị Hồng L, Lê Thị Hồng T (chết). Bà có đưa 02 giấy chủ quyền đất cho con bà Lê Hồng P cất để làm thủ tục sang tên đất. Việc P đưa 02 giấy chứng nhận trên cho chị G mượn thì bà không biết. Nay, đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y thì bà không có ý kiến gì, bà yêu cầu chị Lê Thị Y trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho Lê Hồng P, bà đồng ý theo yêu cầu của Lê Hồng P về việc yêu cầu chị Lê Thị Thu Y trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà nêu trên.

3. Anh Lê Hồng P trình bày: Do bạn bè quen biết với nhau, nên anh đưa 02 giấy chủ quyền nhà và đất do cha ông tên Lê Văn L, mẹ Hồng Thị T đứng tên, để G đi làm thủ tục sang tên từ ông Lê Văn L sang tên cho Lê Hồng P, sau đó chị G có hỏi mượn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho chị Y để vay tiền, nhưng số tiền vay bao nhiêu thì anh không biết, anh và gia đình anh không có bảo lãnh hay thế chấp gì đối với số tiền chị G vay. Việc chị Y kiện chị G đòi tiền vay, anh không có ý kiến gì, nhưng anh yêu cầu Tòa án buộc chị Lê Thị Thu Y giao trả cho anh 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, hồ sơ gốc số 502 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho cha mẹ anh là ông Lê Văn L, bà Hồng Thị T ngày 17/4/2006 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00091 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Lê Văn L ngày 13/9/2005, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Tại bản tự khai ngày 30/5/2019 chị Lê Thị Hồng L trình bày:

Trước đây, chị không biết việc P đưa 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha mẹ chị cho ch G. Đến khi Tòa án gửi giấy triệu tập chị mới biết Ph đưa 2 giấy đất cho chị Y đang giữ. Nay chị Y kiện chị G đòi tiền vay, chị không có ý kiến gì, chị yêu cầu Tòa án xem xét buộc chị Y trả lại 02 giấy chủ quyền trên cho gia đình chị, vì gia đình chị không có bảo lãnh, không thế chấp vì để chị G vay tiền, theo yêu cầu của anh P đòi chị Y trả 2 giấy chủ quyền nêu trên, chị đồng ý để anh Phong nhận lại 2 giấy chủ quyền trên, vì chị là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vừa là người thừa kế của ông Lê Văn L.

5. Tại văn bản ý kiến ngày 12/6/2019 anh Nguyễn Quốc M trình bày:

Việc vợ anh là Lê Thị Thu Y có cho chị Lê Thị G vay tiền, anh không rõ, anh không có ý kiến gì.

Người làm chứng:

1/ Anh Đoàn Duy L1 trình bày: Vào ngày 11/10/2018 anh có nhận số tiền 100.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị N để đưa cho chị Lê Thị G trả cho chị Lê Thị Thu Y, anh đem tiền về Khách sạn Thành Đ thì vợ chồng chị Y đã có mặt sẵn ở đó, anh có thấy hai bên giao nhận tiền và chị G kêu viết giấy biên nhận đã nhận đủ tiền 100.000.000 đồng và đã xóa hết nợ, anh thấy trực tiếp chị Y viết biên nhận ký tên và giao lại biên nhận cho chị G. Còn đối với việc chị G có bị ép buộc để làm biên nhận ngày 12/10/2018 thì anh không biết.

2/ Tại tờ tường thuật ngày 25/6/2019 anh Nguyễn Hùng D trình bày:

vào khoảng năm 2018, anh có nghe chị G nói có mượn tiền của chị Lê Thị Thu Y 160.000.000 đồng, anh không biết hai bên thỏa thuận lãi suất bao nhiêu, thời gian trả như thế nào. Đến khoảng tháng 10/2018, bà Nguyễn Thị N là mẹ của chị G có điện thoại anh Đoàn Duy L là người làm công với anh tại khách sạn Thành Đ xuống nhà bà N lấy 100.000.000 đồng về để G trả nợ cho chị Y. Anh có thấy chị Lê Thị Thu Y và chồng là Nguyễn Quốc M qua khách sạn, anh có nghe chị G nói lại là vợ chồng chị Y có nhận 100.000.000 đồng và có viết giấy biên nhận, anh chỉ nghe nói, không trực tiếp thấy hai bên giao nhận tiền, còn chị G viết biên nhận nợ số tiền 68.000.000 đồng anh không biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Lê Hoàng S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Anh Nguyễn Quốc M, chị Lê Thị Hồng L, anh Đoàn Duy L, anh Nguyễn Hùng D có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản; Đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở” quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố M.

[3] Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là anh Võ Tuấn Vĩnh T trình bày: Chị Y yêu cầu chị G trả số tiền vốn 68.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/10/2018 đến khi xét xử sơ thẩm tính tròn là 11 tháng, mức lãi suất 0,83%/tháng $68.000.000đ \times 0,83\% \times 11 \text{ tháng} = 6.208.400 \text{ đồng}$. Tổng cộng vốn, lãi là 72.208.400 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật. Khi chị G trả xong số tiền vốn, lãi trên thì chị Y trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, hồ sơ gốc số 502 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho cha mẹ ông là ông Lê Văn L, bà Hồng Thị T ngày 17/4/2006 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00091 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Lê Văn L ngày 13/9/2005.

[4] Bị đơn chị Lê Thị G trình bày: Chị đồng ý trả 68.000.000 đồng cho chị Y, nhưng xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, chị không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của chị Y, vì từ khi vay tiền đến nay chị đã trả lãi cho chị Y quá nhiều.

[5] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[5.1] Anh Lê Hồng P (có yêu cầu độc lập) trình bày: Yêu cầu chị Lê Thị Thu Y phải trả lại cho anh 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, hồ sơ gốc số 502 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho cha mẹ ông là ông Lê Văn L, bà Hồng Thị T ngày 17/4/2006 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00091 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Lê Văn L ngày 13/9/2005, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

[5.2] Bà Hồng Thị T Trình bày: Bà yêu cầu chị Lê Thị Thu Y phải trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, hồ sơ gốc số 502 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho cha mẹ ông là ông Lê Văn L, bà Hồng Thị T ngày 17/4/2006 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00091 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Lê Văn L ngày 13/9/2005, cho anh Phong, bà đồng ý để anh Lê Hồng P nhận 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

[6] Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[6.1] Nguyên đơn chị Lê Thị Thu Y và chị Lê Thị G đều thừa nhận: Chị G có vay tiền của chị Y theo hai biên nhận ngày 11/7/2018 số tiền 60.000.000 đồng và ngày 12/10/2018 số tiền 68.000.000 đồng, tổng cộng 128.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2 %/tháng, thời hạn trả thì chị Y muốn lấy tiền lại thì phải báo trước 15 ngày. Đến ngày 11/10/2018 chị G có trả cho chị Y 100.000.000 đồng, chị Y có viết giấy đã nhận tiền. Tại phiên tòa, anh T là đại diện theo ủy quyền của chị Y xin rút lại 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với biên nhận 60.000.000 đồng ngày 11/7/2018, chỉ yêu cầu chị G trả số tiền 68.000.000 đồng theo biên nhận ngày 12/10/2018.

Xét, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị G trả nợ số tiền 60.000.000 đồng theo biên nhận ngày 11/7/2018. Xét, đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

Chị G đồng ý trả 68.000.000 đồng cho chị Y, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và đồng ý trả lãi theo yêu cầu của chị Y.

Xét, chị G cho rằng biên nhận nợ 68.000.000 đồng là tiền chị nợ chị Y số tiền 160.000.000 đồng mà chị đã trả 100.000.000 đồng là xóa hết nợ, nhưng chị Y ép buộc chị viết biên nhận ngày 12/10/2018, nhưng chị không có chứng cứ chứng M chị bị nên nay chị cũng đồng ý trả, nhưng xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả xong số nợ

68.000.000 đồng. Nguyên đơn không đồng ý cho chị G trả dần. Xét thấy, chị G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Y. Do đó chị G xin trả nợ dần là không phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y yêu cầu chị G trả 68.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[6.2] Về yêu cầu tiền lãi: Chị Y yêu cầu tính lãi của số tiền 68.000.000 đồng, tính từ ngày 12/10/2018 đến ngày 11/10/2019 là $11 \text{ tháng} \times 0.83\% = 6.208.400 \text{ đồng}$, chị G đồng ý trả lãi. Do đó sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Điều 468 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận

Tổng cộng vốn và lãi là: $68.000.000\text{đ} + 6.208.400 \text{ đồng} = 74.208.400 \text{ đồng}$. Do đó, chị G có nghĩa vụ trả cho chị Y 74.208.400 đồng.

[6.3] Xét, yêu cầu của anh Lê Hồng P yêu cầu chị Lê Thị Thu Y phải trả lại cho anh 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, hồ sơ gốc số 502 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho cha mẹ ông là ông Lê Văn L, bà Hồng Thị T ngày 17/4/2006 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00091 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Lê Văn L ngày 13/9/2015. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý trả mà khi nào chị G trả xong nợ (tiền vốn, tiền lãi) thì chị Y trả lại hai giấy nhà, đất trên. Anh P cho rằng do quen biết với chị G nên anh cho chị G mượn giấy nhà, đất của cha mẹ anh là ông Lê Văn L, bà Hồng Thị T chứ không có thể chấp hay bảo lãnh gì đối với số tiền vay của chị G. Mặt khác, chị G đưa giấy nhà, đất để vay tiền của biên nhận ngày 11/7/2018, chị G đã trả xong, nên chị Y phải trả 2 giấy nhà, đất cho anh P. Tại phiên tòa, anh T cũng thừa nhận khi chị Y cho chị G vay số tiền 68.000.000 đồng, chị Y có giữ 2 giấy nhà, đất do ông Lê Văn L, bà Hồng Thị T đứng tên (bản chính) để làm tin, phía người đứng tên giấy nhà, đất và chị Y không có thể chấp, bảo lãnh gì đối với số tiền chị G vay của chị Y. Như vậy, tại phiên tòa các bên đương sự thừa nhận không có thể chấp, bảo lãnh của người chủ sử dụng nhà, đất đối với số tiền vay. Do đó, anh P yêu cầu chị Y trả lại cho anh 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, hồ sơ gốc số 502 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho cha mẹ ông là ông Lê Văn L, bà Hồng Thị T ngày 17/4/2006 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00091 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Lê Văn L ngày 13/9/2005, do cha mẹ anh P là ông Lê Văn L, bà Hồng Thị T đứng tên là có cơ sở. Nay, ông L đã chết, bà T là vợ ông L, chị Lê Thị Hồng L, anh Lê Hồng S, chị Lê Thị Hồng T (chết) là con ông L cũng đồng ý để cho anh P được nhận lại 2 giấy 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, hồ sơ gốc số 502 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho cha mẹ anh là ông Lê Văn L, bà Hồng Thị T ngày 17/4/2006 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00091 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Lê Văn L ngày 13/9/2005. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P, buộc chị Lê Thị Thu Y phải có nghĩa vụ trả cho anh Lê Hồng P 02 giấy gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, hồ sơ gốc số 502 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Lê Văn L, bà Hồng Thị T ngày 17/4/2006 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00091 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Lê Văn L ngày 13/9/2005.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 74.208.400 đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là $(74.208.400 \text{ đồng} \times 5\%) = 3.710.420 \text{ đồng}$.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lê Hồng P yêu cầu chị Y trả 02 giấy chứng

nhận nhà, đất nên chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Y đã nộp tạm ứng án phí 3.286.400 đồng. Hoàn lại cho chị Y 2.986.400 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013672 ngày 14/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hồng P có yêu cầu độc lập, được Tòa án chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho anh P 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013995 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 227; Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 332; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu Y về việc yêu cầu chị Lê Thị G trả số tiền vay 60.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi của số tiền 60.000.000 đồng theo biên nhận ngày 11/7/2018.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu Y.

Buộc chị Lê Thị G có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Thu Y số tiền 74.208.400 đồng (trong đó tiền vốn 68.000.000 đồng, tiền lãi 6.208.400 đồng).

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lê Hồng P.

Buộc chị Lê Thị Thu Y phải có nghĩa vụ trả cho anh Lê Hồng P 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, hồ sơ gốc số 502 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho cha mẹ anh là ông Lê Văn L, bà Hồng Thị T ngày 17/4/2006 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00091 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Lê Văn L ngày 13/9/2005, khi án có hiệu lực pháp luật.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị G phải chịu 3.710.420 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Thu Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Lê Thị Thu Y 2.986.400 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013672 ngày 14/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại cho anh Lê Hồng P 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013995 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

5/ Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết. Đề yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử theo trình tự phúc thẩm..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục THA dân sự TP M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Hoa